

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
L PHỐ V
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT L
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HSST
Ngày 12 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT L
TÒA ÁN NHÂN DÂN L PHỐ V, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Tr

Ông Vũ Hùng T

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích H - Thư ký Tòa án nhân dân L phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân L phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích P - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 N 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân L phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 6 N 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 90/2023/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 6 N 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/7/1988; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Khu 18, xã Sơn Vi, huyện L, tỉnh P; Giới tính: Nữ; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt L; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Con ông Nguyễn Văn Thuê và bà Triệu Thị Vĩnh; Có chồng là Bùi Đức Học (đã ly hôn); Con: Không; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2023 đến ngày 03/4/2023 hủy bỏ lệnh tạm giữ ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại khu 18, xã Sơn Vi, huyện L, tỉnh P. (Có mặt).

- Bị hại: Chị Hà Thị Minh Th, sinh N 1988. Địa chỉ: Tổ 02, phường L, L phố LC, tỉnh LC. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trung L - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Trung tâm mỹ nghệ vàng bạc L; Địa chỉ: Số 1809, đường Hùng Vương, phường Gia Cẩm, L phố V, tỉnh P; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tùng L, sinh N 1984. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 25/3/2023, Nguyễn Thị N một mình bắt xe ôm của một người đàn ông không rõ tên tuổi địa chỉ đến Trung tâm mỹ nghệ vàng bạc L thuộc phường Gia Cẩm, L phố V, tỉnh P, mục đích giả vờ hỏi mua vàng rồi lợi dụng sơ hở để chiếm đoạt tài sản. N dừng xe tại chợ đầu mối hoa quả thuộc chợ Trung tâm L phố V rồi đi bộ đến Trung tâm mỹ nghệ vàng bạc L. Khi vào cửa hàng, N gặp chị Hà Thị Minh Thủy, sinh N 1988, trú tại phường L, L phố LC, tỉnh LC là nhân viên bán hàng. N hỏi chị Thủy “Cho em xem cái nhẫn 03 chỉ”, chị Thủy đồng ý và lấy ra từ trong tủ kính 01 chiếc nhẫn loại nhẫn trơn hình tròn, bằng kim loại, màu vàng đưa cho N. N cầm nhẫn bằng tay phải rồi đeo lên ngón giữa bàn tay trái. Sau khi đeo xong, N yêu cầu chị Thủy đưa cho N thêm 01 chiếc nhẫn nữa. N tiếp tục đeo vào ngón trỏ bàn tay trái và xoay đi xoay lại rồi thử vào các ngón. Lúc này, ngón giữa bàn tay trái của N vẫn đeo 01 chiếc nhẫn, N đã tháo một chiếc nhẫn ra và để ở trong lòng bàn tay phải. Sau đó N tiếp tục yêu cầu chị Thủy cho xem thêm 01 chiếc nhẫn trơn trơn loại 03 chỉ, chị Thủy đưa cho N xem, N dùng tay phải đeo nhẫn vào ngón áp út bàn tay trái. Lúc này, trên bàn tay trái của N có đeo 02 chiếc nhẫn và cầm 01 chiếc nhẫn ở trong lòng bàn tay phải. N tháo chiếc nhẫn ở ngón giữa bàn tay trái rồi trả lại cho chị Thủy và bảo chị Thủy lấy thêm cho N 01 chiếc nhẫn khác loại 03 chỉ như trên, chị Thủy đồng ý và lấy cho N 01 chiếc nhẫn. Sau đó, N tiếp tục đeo vào ngón giữa bàn tay trái. N liên tục xoay đi xoay lại hai chiếc nhẫn đang đeo ở trên tay chờ chị Thủy sơ hở nhưng chị Thủy không rời mắt nhìn N. Để đánh lạc hướng chị Thủy, N quay sang bên phải nhìn vào bên trong tủ kính và hỏi chị Thủy “Chiếc buồm kia làm bằng gì?”, chị Thủy quay mắt nhìn theo và trả lời “Làm bằng vàng”. N tiếp tục tháo chiếc nhẫn ở ngón giữa đưa cho chị Thủy rồi yêu cầu chị Thủy cho xem thêm 01 chiếc nhẫn vàng loại 01 chỉ rưỡi, mục đích để chị Thủy không để ý, N đút chiếc nhẫn loại 03 chỉ ở trong lòng bàn tay phải vào túi quần bên phải. Sau khi N thực hiện xong hành vi trên thì bị chị Thủy phát hiện và yêu cầu N trả lại chiếc nhẫn này nhưng N không trả và nói “Chiếc nhẫn này là nhẫn của tôi”. Sau nhiều lần yêu cầu N trả lại nhẫn nhưng N không trả, chị Thủy đã cho N xem camera an ninh của cửa hàng nhưng N không thừa nhận và yêu cầu gọi Công an. Trong lúc này N tháo chiếc nhẫn 03 chỉ đeo ở ngón áp út trả cho chị Thủy. Sau đó chị Thủy đã trình báo sự việc trên tới Công an phường Gia Cẩm, L phố V, tỉnh P.

Tại Công an phường Gia Cẩm, N đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc nhẫn có đặc điểm là kim loại màu vàng, hình tròn, mặt trong nhẫn có chữ “L”, “3”, “99NT99” 03 chỉ và số tiền 330.000 đồng (*Ba trăm ba mươi nghìn đồng*) và khai chiếc nhẫn này là của N mang đi bán, còn số tiền là của N. Cùng ngày, Công an phường Gia Cẩm đã tiến hành lập biên bản tạm giữ số tài sản trên đồng thời tiến hành niêm phong 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có đặc điểm nêu trên vào bì niêm phong dán kín, đồng thời chuyển toàn bộ hồ sơ và các tài liệu có liên quan cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an L phố V thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị N đã thừa nhận hành vi trộm cắp 01 chiếc nhẫn vàng 03 chỉ của Trung tâm mỹ nghệ vàng bạc L như đã nêu trên.

Ngày 27/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an L phố V ra Quyết định trưng cầu giám định hoá học đối với chiếc nhẫn đã thu giữ của N. Tại Kết luận giám định số 2159/KL-KTHS ngày 27/3/2023 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: “01 nhẫn kim loại màu vàng được chế tác dạng nhẫn tròn trơn, bên trong nhẫn có chữ, số “L 3 99NT99” gửi giám định có khối lượng 11,25 gam là vàng (Au); hàm lượng Au: 99,99%”.

Ngày 28/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an L phố V ra Yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc nhẫn trên. Tại Kết luận định giá tài sản số 194/KL-HĐĐGTS ngày 30/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân L phố V kết luận:

- Giá 01 nhẫn vàng (là vàng Au hàm lượng 99,9%), có trọng lượng 1,0 chỉ trên thị trường V tại thời điểm ngày 25/3/2023 có giá là 5.520.000 đồng/1 chỉ.

- Giá 01 nhẫn kim loại màu vàng được chế tác dạng nhẫn tròn trơn, bên trong nhẫn có chữ “L 3 99NT99” có khối lượng 11,25 gam (là vàng Au hàm lượng 99,9%), có trọng lượng 3,0 chỉ là 3,0 chỉ x 5.520.000 đồng/1 chỉ = 16.560.000 đồng (Mười sáu triệu N trăm sáu mươi nghìn đồng).

Nguyên nhân, điều kiện, động cơ, mục đích dẫn đến hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Thị N không có công ăn việc làm ổn định nên đã thực hiện hành vi chiếm đoạt phục vụ cho mục đích cá nhân.

* Về vật chứng và tài sản đã thu giữ:

- Đối với 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có khối lượng 11,25 gam. Đây là tài sản N trộm cắp của chị Thuỷ. Ngày 06/4/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Thuỷ. Chị Thuỷ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

- Đối với số tiền 330.000 đồng (Ba trăm ba mươi nghìn đồng) là tiền của N không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 06/4/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Thị N. N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Về điều kiện kinh tế của bị cáo: Quá trình điều tra đã xác minh, bị cáo N không có việc làm ổn định, sống cùng gia đình. Ngoài đồ dùng cá nhân sinh hoạt hàng ngày, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị.

Tại Cáo trạng số: 87/CT-VKSVT ngày 15 tháng 6 N 2023 của Viện kiểm sát nhân dân L phố V, tỉnh P đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân L phố V, tỉnh P vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 09 (Chín) tháng tù đến 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. (Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/3/2023 đến ngày 03/4/2023).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

+ Ngày 06/4/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Hà Thị Minh Thủy 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có khối lượng 11,25 gam. Chị Thủy đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

+ Ngày 06/4/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Thị N số tiền 330.000 đồng (*Ba trăm ba mươi nghìn đồng*) là tiền của bị cáo N không liên quan đến hành vi phạm tội. N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an L phố V, tỉnh P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân L phố V, tỉnh P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung

- Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng 11 giờ 35 phút ngày 25/3/2023, tại Trung tâm mỹ nghệ vàng bạc L thuộc phường Gia Cẩm, L phố V, tỉnh P, Nguyễn Thị N có hành vi trộm cắp 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng được chế tác dạng nhẫn tròn trơn, bên trong nhẫn có ký hiệu “L 3 99NT99” có khối lượng 11,25 gam (là vàng Au hàm lượng 99,9% trị giá 16.560.000 đồng của chị Hà Thị Minh Thủy).

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra tội phạm, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở và căn cứ pháp lý kết luận bị cáo Nguyễn Thị N đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân L phố V, tỉnh P truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 N hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 N”

- Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội do lỗi của mình gây ra.

- Đánh giá tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đã gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo L khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, do vậy khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng mức hình phạt sao cho phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định về điều kiện kinh tế của bị cáo ngoài đồ dùng sinh hoạt cá nhân, không có tài sản gì khác có giá trị, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có khối lượng 11,25 gam. Đây là tài sản bị cáo trộm cắp của chị Hà Thị Minh Thủy. Ngày 06/4/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Thủy. Chị Thủy đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

- Đối với số tiền 330.000 đồng (*Ba trăm ba mươi nghìn đồng*) là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội. Ngày 06/4/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thị N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[6]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh và hình phạt cũng như những nội dung khác là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 của Bộ

luật Tổ tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. (Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/3/2023 đến ngày 03/4/2023).

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị N.

5. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Xác nhận ngày 06/4/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an L phố V, tỉnh P đã trả lại cho chị Hà Thị Minh Th 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng có khối lượng 11,25 gam. Chị Thuỷ đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

- Xác nhận ngày 06/4/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an L phố V, tỉnh P đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị N số tiền 330.000 đồng (*Ba trăm ba mươi nghìn đồng*). Bị cáo đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Bị cáo có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. V, T. P;
- CQCA TP. V, T. P;
- THAHS, DS TP. V, T. P;
- UBND xã S, H. L, T. P;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị H

